TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 205/2017/HSST
Ngày : 04/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tất Trình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Bà Nguyễn Thị Lượng
2- Ông Huỳnh Tiến Dũng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Lâm, cán bộ Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 156/2017/HSST ngày 05/6/2017 đối với bị cáo:

1- VŨ VĂN D, giới tính: Nam; sinh: 07/02/1979; nơi sinh: tại B; thường trú: thôn A, xã Y, huyện P, tỉnh Bắc Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Vũ Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ: Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 21/02/2006, bị Tòa án nhân dân quận S, Tp.Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; tạm giam: 01/12/2016 (có mặt).

2- NGUYỄN ĐỨC L (Út), giới tính: Nam; sinh: 1990; nơi sinh: tại Tp.H; thường trú: phường X, thị xã D, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 5/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Văn Q (chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ Trịnh Tuyết T, có 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 01/12/2016 (có mặt).

3- NGUYỄN VĂN Q, giới tính: Nam; sinh: 1994; nơi sinh: tại B; thường trú: thôn G, xã Y, huyện P, tỉnh Bắc Ninh; chỗ ở: phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị B; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam: 01/12/2016 đến ngày 09/12/2016 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Thúy N sinh: 1981

Thường trú: phường T, Quận C, Tp.Hồ Chí Minh.
Chỗ ở: đường D, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh (vắng mặt)
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1- Anh Hà Văn V
Thường trú: thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)
2- Anh Tô Minh C
Thường trú: xã Q, huyện L, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 28/11/2016, Vũ Văn D đi ngang qua nhà số X, khu phố M, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh của chị Nguyễn Thị Thúy N, phát hiện trước nhà chị N có trồng 01 cây Lộc vừng, nên nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 23 giờ 00 ngày 30/11/2016, D cùng với Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đức L và Đ (không rõ lai lịch) ăn tối tại quán hủ tiếu thuộc khu phố Y, phường L, quận T, tại đây D đã rủ Q, L và Đ đi lấy trộm cây cảnh bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, tất cả đồng ý.

Khoảng 02 giờ 30 ngày 01/12/2016, D điều khiển xe mô tô hiệu Elegant II, biển số 52H6-4819 kéo theo thùng tự chế chở Đ, L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 63F8-0612 chở Q đi đến trước nhà chị N, rồi dừng lại bên lề đường. D, Q, Đ và L xuống xe, đến nhổ cây Lộc vừng của chị N đang trồng trong chậu, đưa lên thùng xe tự chế. Sau đó, L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter chở Q chạy trước, D điều khiển xe biển số 52H6-4819 kéo theo thùng tự chế chở Đ chạy sau, chạy được khoảng 50m thì bị người hàng xóm của chị N phát hiện, truy hô cùng quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ được D cùng tang vật, giao Công an phường L, quận T lập biên bản người phạm tội quả tang.

Đến 07 giờ cùng ngày, Tổ tuần tra Công an phường L, quận T tuần tra trên địa bàn phường đã phát hiện Nguyễn Đức L điều khiển xe mô tô hiệu Jupiter biển số 63F8-0612 chở Nguyễn Văn Q, dừng xe tại ngã năm Thủ Đức, thuộc khu phố X, phường L, quận T có biểu hiện nghi vấn, nên tiến hành kiểm tra và đưa về cơ quan làm việc.

Ngày 01/12/2016, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đức L bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức bắt khẩn cấp.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Vũ Văn D, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Đức L đã khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Kết quả định giá tài sản ngày 02/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: 01 cây Lộc vừng trị giá 4.000.000đ.

Vật chứng vụ án:
- 01 cây Lộc vừng (đã trả cho bị hại);
- 01 xe mô tô hiệu Elegant II, biển số 52H6-4819, kéo theo thùng tự chế bằng kim loại;
- 01 xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 63F8-0612;

Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 115/CT- VKS ngày 22/3/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố bị cáo Vũ Văn D, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Đức L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến đánh giá nội dụng vụ án, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo D, L và Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, đề nghị áp dụng điều luật đã truy tố, áp dụng điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D từ 12 đến 15 tháng tù, xử phạt bị cáo L từ 08 đến 10 tháng tù, xử phạt bị cáo Q từ 08 đến 10 tháng tù và xử lý vật chứng theo quy định

Bị cáo D, Q và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đã truy tố; bị cáo nhìn nhận trách nhiệm của mình, tỏ thái độ ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Xét lời khai nhận tội của bị cáo được xác định là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ căn cứ xác định ngày 01/12/2016, tại nhà số X, khu phố M, phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh, các bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 cây Lộc vừng, trị giá 4.000.000đ của chị Nguyễn Thị Thúy N và sau đó bị phát hiện bắt giữ. Do đó có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định trừng trị tại Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, trong đó bị cáo D là chủ mưu, chuẩn bị phương tiện và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo khác là những đồng phạm tích cực. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Việc truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo D là người có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội phạm do cố ý, nhưng bị cáo thiếu ý thức tu dưỡng bản thân mà lại phạm tội mới. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo; áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo D ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt giá trị không lớn và đã thu hồi trả cho bị hại; bị cáo Q và L phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, giảm cho các bị cáo một phần trách nhiệm hình sự mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Bị cáo Q trước khi phạm tội có nhân thân tốt có nơi ở ổn định rõ ràng, từ khi được tại ngoại đến nay không

có vi phạm gì, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tại giáo dục và tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình.

Đối với người tên Đ, do chưa xác định được lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác, nên không xét.

- Đối với chiếc xe mô tô thu giữ có nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 63F8-0612, có số máy 5VT2-38411, số khung: 5VT24YA-038411. Qua xác minh, biển số xe 63F8-0612 là của xe mô tô có nhãn hiệu ORIENTAL, có số máy: FMH-2*00032674*, số khung: LF3D20078100, do Lê Hòa P đứng tên sở hữu. Số máy 5VT2-38411, số khung: 5VT24YA-038411 là của xe có biển số 63S3-5617, có nhãn hiệu Yamaha, do anh Tô Minh C đứng tên sở hữu. Tuy nhiên cả anh C và P đều không có mặt tại địa phương, không lấy được lời khai. Bị cáo D khai mượn xe của một người tên S (không rõ lai lịch). Do chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của các chiếc xe nêu trên, nên cần đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe trên, hết thời hạn thông báo mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Chiếc xe mô tô hiệu Elegant II, biển số 52H6-4819 thu giữ có số máy: VMSACBH072136, số khung: RLGSC10KHBH072136. Số máy: VMSACBH072136, số khung: RLGSC10KHBH072136 là của xe mô tô có nhãn hiệu SYM, biển số 93L1-043.24, do anh Hà Văn V đứng tên sở hữu. Anh Vy Văn Đ là em vợ của anh V mượn xe đi học tại Tp.Hồ Chí Minh và bị mất xe vào tháng 9/2016. Bị cáo D khai mượn xe của người tên Q (không rõ lai lịch). Do đó có căn cứ xác định xe mô tô có số máy: VMSACBH072136, số khung: RLGSC10KHBH072136 là của anh Hà Văn V, nên trả cho anh Viện.

- Qua xác minh, xe mang biển số 52H6-4819 là xe có nhãn hiệu SIMBA, có số máy: 0263704-FMHY, số khung: 20100110-CF, do chị Lương Thị Kim H đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, chị H không có mặt tại địa phương, không lấy được lời khai của chị H.

- Biển số xe số 52H6-4819 và biển số 63F8-0612 không phải là biển số của những xe bị thu giữ, không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1- Tuyên bố bị cáo **Vũ Văn D, Nguyễn Văn Q** và **Nguyễn Đức L** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo **Vũ Văn D** 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2016.

3- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức L** 07 (bảy) tháng 03 (ba) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2016. (đã chấp hành xong)

4- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Q** 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Tp.Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

5- Áp dụng khoản 5 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Đức L, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

6- Áp dụng khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp chiếc xe mô tô có số máy 5VT2-38411, số khung: 5VT24YA-038411, thời hạn là 06 tháng kể từ ngày đăng thông báo. Hết thời hạn nêu trên, nếu không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu xe sung công quỹ nhà nước.
- Trả cho anh Hà Văn V chiếc xe mô tô có số máy: VMSACBH072136, số khung: RLGSC10KHBH072136;
- Tịch thu tiêu hủy biển số xe số 52H6-4819 và biển số 63F8-0612.

(phiếu nhập kho số 114 ngày 09/5/2017 và phiếu nhập kho số 144 ngày 03/7/2017 của Chi cục THADS quận Thủ Đức.

6- Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- CA. quận Thủ Đức;
- THADS quận Thủ Đức;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Vũ Tất Trình